

HOẠT ĐỘNG CỦA CAO ĐÀI BAN CHỈNH ĐẠO QUA HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA DÂN TỘC

DUYÊN VĂN CHÂM^(*)

Cao Đài Ban Chỉnh Đạo xuất hiện ở Miền Tây Nam Bộ, vùng cực Nam Tổ quốc vào nửa đầu thế kỉ XX. Trong gần nửa thế kỉ ra đời và hành đạo, hầu hết các chức sắc và tín đồ hăng hái tham gia hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với người Bến Tre, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo có thêm một ý nghĩa đặc biệt. Chính nền đất này đã sinh ra vị lãnh tụ khai nền Đạo, đồng thời Xứ Dừa còn là vùng địa linh, nơi tọa lạc Thánh thất Trung ương, thủ đô-Hội Thánh. Ngay từ khi ra đời đến nay, Ban Chỉnh Đạo luôn giữ vững truyền thống phụng đạo - yêu nước.

Trong lịch sử Cao Đài, năm 1926 Hội thánh ra đời, chọn Tây Ninh làm thủ phủ của đạo. Hội thánh phỏng theo tổ chức của Kitô giáo, nắm nhiều nhân lực, tài lực. Sau một thời gian, nội bộ đạo bắt đầu nảy sinh nhiều kì vọng xa so với sự tu hành ban đầu. Cơ bút của đạo bắt đầu có dấu hiệu hoạt động chính trị. Nhiều chức sắc không tin vào cơ bút xem đó là một trò chơi, hoặc yêu cầu cải cách đạo Cao Đài. Trong số các chức sắc ấy có ông Nguyễn Ngọc Tương.

Năm 1934, sau nhiều ý tưởng cải cách không được Hội thánh chấp nhận, Nguyễn Ngọc Tương cùng một số người thân tín tách Hội thánh về An Hội (Bến Tre) lập một phái riêng gọi là Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, tập hợp được 85 họ đạo trong 18 tỉnh Nam Kỳ. Đường hướng, tôn chỉ hành đạo của giáo hội này là tín ngưỡng dân tộc gắn với độc lập dân tộc. Việc thăng cử chức sắc lấy luật công cử là chính (bỏ hoàn toàn cơ bút).

Bằng tôn chỉ hành đạo tiến bộ, chứa đựng tinh thần yêu nước, hợp lòng dân, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo đã hướng dẫn các tín hữu của mình đi theo tiếng gọi non sông, lập nhiều thành tích trong hai cuộc kháng chiến.

Năm 1940, Nam Kỳ khởi nghĩa, chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài Ban Chỉnh Đạo cùng với nhân dân trong vùng nổi lên giành chính quyền.

Mặc dù Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, sự đàn áp, khủng bố của bọn thực dân Pháp không thể khuất phục được tinh thần yêu nước của đồng bào Nam Bộ và các tín hữu. Để tổng hợp lực lượng thống nhất hành động, ngày 14/10/1948 Đại hội

^{*}. Trường Chính trị tỉnh Bến Tre.

Nhơn Sanh 12 phái Cao Đài mở Hội nghị ở Đồng Tháp Mười. Cao Đài 12 phái gồm Minh Chơn Đạo, Chiêu Minh Long Châu, Ban Chỉnh Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Lý, Bạch Y Liên đoàn Chơn Lý, Cao Thượng Bửu Toà, Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Hội giáo, Phái Tuyệt Cốc, Chơn Lý Tâm Nguyên, Liên Hoà Tổng Hội Sài Gòn. Hưởng ứng chủ trương của Mặt trận Việt Minh đại hội Nhơn Sanh đã tuyên bố thành lập Cao hiệp nhất 11 phái (trừ phái Cao Đại Tây Ninh). Sau Đại hội, phái Tây Ninh chia làm hai bộ phận: Tây Ninh thân Pháp (tập hợp lực lượng vũ trang để đánh phá cách mạng) và bộ phận: Tây Ninh trung thành (họ tự xưng như thế để phân biệt bộ phận Cao Đài Tây Ninh phản bội Tổ quốc và Đạo pháp). Cao Đài Tây Ninh trung thành xin gia nhập Cao Đài hiệp nhất. Cao Đài hiệp nhất 12 phái ra tuyên bố thành lập Hội Cao Đài Cứu quốc 12 phái do Cao Triều Phát làm Chủ tịch, Nguyễn Ngọc Nhựt (phái Ban Chỉnh) và Nguyễn Văn Khảm (phái Tiên Thiên) làm Phó Chủ tịch. (Nguyễn Ngọc Nhựt là con Đức Giáo tông Cao Đài Ban Chỉnh Đạo Nguyễn Ngọc Tương. Giáo tông có hai người con trai là kĩ sư Nguyễn Ngọc Bích và Nguyễn Ngọc Nhựt sống tại Pháp đã từ giã cuộc sống phồn hoa ở Kinh đô ánh sáng Paris, về nước tham gia kháng Pháp cứu nước. Nguyễn Ngọc Bích giữ chức khu bộ phó Chiến khu 9. Sau kĩ sư Bích lọt vào tay Thực dân Pháp và bị đày sang Pháp. Kĩ sư Nhựt giữ chức ủy viên xã hội trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Đầu tháng 6/1949 trong một trận càn tại chiến khu Đồng Tháp Mười, Pháp bắt được Nguyễn Ngọc Nhựt. Chúng dụ dỗ

anh cộng tác với chức Bộ trưởng Công chánh trong Chính phủ tay sai Nam Kỳ. Anh cự tuyệt và đã anh dũng hi sinh).

Năm 1947 Nguyễn Ngọc Nhựt vừa là người đại diện cho phái Cao Đài Ban Chỉnh Đạo Bến Tre, vừa là người lãnh đạo Hội Cao Đài Cứu quốc. Cao Đài Cứu quốc vừa thành lập đã ra tuyên ngôn:

- Luôn luôn trung thành với Tổ quốc, nguyện đem hết năng lực và công tâm phụng sự nước nhà.

- Không phản đạo, phản quốc.

- Triệt để ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh trong giải phóng dân tộc và thống nhất giang sơn hầu đem hạnh phúc cho đồng bào.

Cao Đài Cứu quốc xuất bản báo Đường Sáng làm cơ quan ngôn luận của toàn đạo.

Từ ngày 14 đến 18/10/1948 Hội Cao Đài Cứu quốc hiệp nhất 12 phái mở hội nghị tại Đồng Tháp Mười và thông qua “Chương trình hành sự” cho thời gian tới:

1. Lãnh đạo phong trào kháng chiến cho Cao Đài Cứu quốc 12 phái thống nhất và cương quyết tranh đấu cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được độc lập thống nhất thật sự.

2. Tìm biện pháp chính nghĩa để kêu gọi tín đồ Cao Đài lầm đường quay về với Tổ quốc Việt Nam.

3. Đoàn kết thật sự với các đảng chính trị, tôn giáo và các đoàn thể cứu quốc bạn để chống ngoại xâm.

4. Cự lực đối phó và chiến đấu chống lại tất cả bọn đế quốc có mộng xâm lăng làm le thõn tính nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

5. Triệt để ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do cụ Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Với đường lối tiến bộ này, Cao Đài Cứu quốc đã hướng dẫn tín hữu đứng lên kháng Pháp cứu nước, cứu đạo và là thành viên của Mặt trận Dân tộc và Chính phủ cách mạng.

Sau hiệp định Giơnevơ, tình hình đã thay đổi. Chủ trương mới của Hội Cao Đài là mỗi phái Cao Đài tự hành đạo và đấu tranh giữ gìn hoà bình và thống nhất đất nước.

Được sự hà hơi tiếp sức của đế quốc Mỹ, Ngô Đình Diệm thiết lập bộ máy thống trị ở Miền Nam. Chính quyền Mỹ - Diệm tấn công giáo phái, đánh phá cơ sở cách mạng và phong trào quần chúng. Tại Bến Tre, chúng điều chỉnh địa giới hành chính lập tỉnh Kiến Hoà. Với ý đồ lợi dụng, lôi kéo lực lượng tôn giáo làm hậu thuẫn chính trị, đánh phá cách mạng, chính quyền Mỹ - Diệm đưa 6 vạn tín đồ Kitô giáo từ Miền Bắc di cư vào bố trí ở các địa bàn xung yếu của Bến Tre như Giao Thạnh (Thanh Phú), An Hiệp (Châu Thành), v.v... Chúng ra sức mua chuộc, nắm lấy các linh mục Kitô giáo, lôi kéo lãnh tụ và tín hữu Cao Đài.

Trước tình hình trên tháng 12/1954 Tỉnh uỷ Bến Tre họp quán triệt các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Xứ uỷ Nam Bộ đề ra nhiệm vụ vận động nhân dân, tôn giáo tiến hành đấu tranh chính trị, đòi các quyền tự do dân chủ.

Năm 1960, ngọn lửa Đồng Khởi rực sáng từ quê hương xứ Dừa. Đồng bào Cao Đài Ban Chỉnh Đạo cùng nhân dân Bến

Tre đã bẻ gãy cuộc “Bình trị Kiến Hoà”, làm tan tác lực lượng 10.000 quân của chính quyền Mỹ - Diệm. Từ sự thắng lợi của phong trào Đồng Khởi toàn Miền Nam ngày 20/12/1960 Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời. Ngày 28/12/1960 ở Bến Bào (Ba Tri), Đại hội nhân dân tỉnh Bến Tre bầu ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh. Chủ trương của Mặt trận được Cao Đài Ban Chỉnh Đạo nhiệt liệt hưởng ứng. Đến năm 1972, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Tây Nam Bộ quyết định thành lập Ban Tôn giáo, vận động các phái Cao Đài hoạt động bằng hình thức tập hợp trong Liên giao II.

Liên giao II là tập hợp của 18 phái Cao Đài (phần lớn là tiền thân của Cao Đài Cứu quốc) đấu tranh, phá âm mưu thống nhất đạo của Cao Đài Tây Ninh mà chính quyền Mỹ - Thiệu đang chi phối, lợi dụng. Liên giao II hình thành ngày 11/11/1972 với các phái: Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên, Chiếu Minh Long Châu, Bạch Y Liên đoàn Chơn Lý, Cao Thượng Bửu Sơn, Ban Chỉnh Đạo Đô thành (Ban Chỉnh Bến Tre tách ra), Cao Đài thống nhất Sài Gòn, Giáo hội Cao Đài Thượng Đế Cần Thơ, Hội thánh Giáo hội Ban Chỉnh Đạo Bến Tre, Tân Hội thánh Chiếu Minh, Hội thánh Minh Chơn Lý, Hội Thánh Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, Nam Thành Thánh thất Cầu Kho tái lập, Giáo hội Trung ương Toà thánh Cao Đài Việt Nam Bình Đức, Đại diện Toà thánh Cao Đài Việt Nam Bến Tranh, Đại diện Hội thánh Truyền giáo Trung Việt, Đại diện Hội thánh Tiên Giang, Hội thánh Trung ương Trung Việt. Liên Giao II thông qua quy ước 7 điểm:

- Đoàn kết, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, chống khủng bố các Thánh thất, Thánh tịnh.

- Bảo vệ các tu sĩ, không để bắt lính đưa đi giết người.

- Giúp đỡ nhau, chống khủng bố, bắt bớ các chức sắc, chức việc.

- Không tham gia chính trị, quân sự chống lại Tổ quốc và dân tộc.

- Vận động đồng đạo, đồng bào đứng lên phá thế kìm kẹp, cứu đạo, cứu mình.

- Phát động phong trào cầu nguyện hoà bình, đòi chấm dứt chiến tranh.

- Không thể thống nhất với Cao Đài Tây Ninh, vì Cao Đài Tây Ninh đi ngược lại tôn chỉ, mục đích cứu khổ như sanh của Tam kì phổ độ.

Bảy điểm nổi bật của Liên Giao II đề ra phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Cao Đài, có lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong giai đoạn này, Liên giao II giữ được 15.000 tu sĩ không bị bắt lính và đi lính cho địch, phong trào cầu nguyện hoà bình, đòi hoà bình, chống chiến tranh ngày một lan rộng vùng có tín đồ Cao Đài, góp phần giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến đến ngày toàn thắng 30/4/1975.

Bằng những thành tích của mình trong Cao Đài Cứu quốc, Liên giao II, Mặt trận Dân tộc, Ban Chính Đạo được Chính phủ tặng Huân chương Kháng

chiến hạng 2 vì “*Ban Chính Đạo Cao Đài Bến Tre đã giữ vững thái độ trung thành với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, vận động đồng đạo tín đồ tham gia kháng chiến cứu nước*”; đồng thời gia đình Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương được tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhất.

Theo ước tính, năm 2004 toàn phái Ban Chính Đạo có khoảng 1.089.000 tín đồ, 220 chức sắc, 249 thánh thất ở 29 tỉnh, thành phố, riêng Bến Tre có 15.633 tín đồ, 59 thánh thất.

Ngày 08/08/1997 Ban Tôn giáo Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26 công nhận tư cách pháp nhân, tổ chức giáo hội, Hội thánh Cao Đài Ban Chính Đạo.

Năm 2003 Ban Chính Đạo kiện toàn nhân sự, hoàn thiện Hiến chương hành đạo:

Ban Chính Đạo hoạt động theo tôn chỉ phụng đạo – yêu nước. Hội thánh vận động tín đồ hoạt động đúng luật Đạo - Đồi.

Chức sắc Cao Đài phải thông qua công cử và được đào tạo giáo lí cơ bản, chính sách pháp luật có liên quan đến tôn giáo. Toàn phái hành đạo nêu gương Đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục sự nghiệp của các vị tiền bối, phụng đạo, yêu nước, gắn bó với dân tộc, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, thực hiện phương châm *nước vinh- đạo sáng*./.